



THÙNG XE TẢI ĐÔNG LẠNH

REFRIGERATED TRUCK BODY

HYUNDAI MIGHTY W11S E5
MIGHTY W11SL E5
MIGHTY W11XL E5

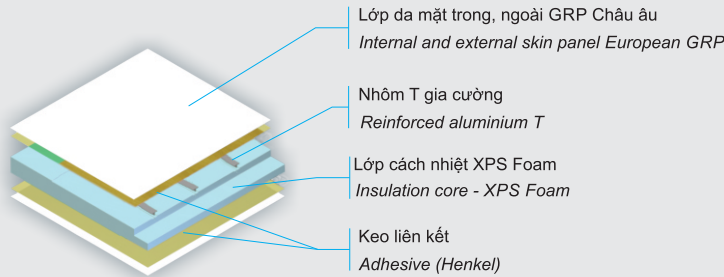


THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		DVT / UNIT	W11S	W11SL	W11XL
Loại xe / Vehicle type			Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck	Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck	Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code			HYUNDAI MIGHTY W11S -QA.DL	HYUNDAI MIGHTY W11SL -QA.DL	HYUNDAI MIGHTY W11XL -QA.DLF2S (F1S)
Công thức bánh xe / Wheel formular			4 x 2	4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions					
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm		6850 x 2170 x 3180	7670 x 2170 x 3180	8220 x 2170 x 3180
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm		4950 x 2150 x 2200	5750 x 2150 x 2200	6300 x 2150 x 2200
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm		4770 x 2010 x 2020	5570 x 2010 x 2020	6120 x 2010 x 2020
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm		3775	4470	4470
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm		1680 / 1495	1680 / 1495	1680 / 1495
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm		1120 / 1955	1120 / 2080	1120 / 2630
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm		2080	2080	2080
Thông số về khối lượng / Weight					
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg		3905	4055	4205
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg		6500	6350	6200
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg		10600	10600	10600
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver			3	3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres					
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)			8.25-16	8.25-16	8.25-16
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)			8.25-16	8.25-16	8.25-16
Thiết bị điện / Electric equipment					
Áp định mức: 24V Out put: 24V			Ắc quy / Batteries: 12V - 90Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 90Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 90Ah - 2 bình
Máy phát Alternator			24V - 70A	24V - 70A	24V - 70A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment					
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit			THERMAL-3000 (-18oC, 2515W)	THERMAL-3100 (ATP) (-18oC, 2750W)	THERMAL-3100 (ATP) (-18oC, 2750W)
Trang bị khác Other equipment			-	-	-

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 2.5T ~ 6.0T	Sàn sóng / corrugated 2.5T ~ 6.0T
Panel sàn Floor panel	95	105
Panel vách trước Front panel	63	63
Panel vách hông Two side wall panels	63	63
Panel nóc Roof panel	78	78
Panel cửa sau Rear door panels	63	63

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh
* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 021
* Phòng kinh doanh:
Hotline: 090.810.9929
Email: kd01@quyenauto.com
* Tư vấn kỹ thuật:
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

